

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2022/DS-ST

Ngày: 31- 5- 2022

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và bà Đỗ Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2022/TLST-DS ngày 6 tháng 01 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022 ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Châu T, sinh năm 1987.

Đơn vị công tác: Tiểu đoàn 7, trung đoàn 3, phố B, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Triệu S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Hóa
(Anh T ,Chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Châu T trình bày:

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 chị H có đến nơi ở của anh tại Phố Bà Triệu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa để mua 27 con lợn thịt. Chị H bắt lợn của anh được chia làm 03 lần như sau:

- Lần thứ nhất: Chị H bắt 7 con lợn thịt, tổng trọng lượng = 522kg

- Lần thứ hai: Chị H bắt 10 con lợn thịt, tổng trọng lượng = 633kg.

- Lần thứ 3: Chị H bắt 10 con lợn tổng trọng lượng = 565kg.

Cả 03 lần bắt lợn có tổng trọng lượng = 1720kg – 279kg bì = 1441kg lợn hơi.

Giá hai bên thỏa thuận là 60.000đ/ 1 kg. Chị H đã bắt lợn và tính ra tiền như sau: $1441\text{kg} \text{ lợn} \times 60.000\text{đ/ kg} = 86.460.000\text{đ}$ (tám mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Sau khi bắt lợn, chị H và anh T có chốt tổng trọng lượng của 03 lần bắt lợn và tính số tiền chị H phải trả cho anh T là 86.460.000đ. Việc chốt tổng trọng lượng của lợn và số tiền chị H phải trả này được thể hiện trên giấy viết ngày 29/6/2021 do chị H là người viết và ký vào giấy.

Chị H xin nợ lại số tiền trên, hẹn anh T 1 tháng sau sẽ trả hết số tiền mua lợn. Nhưng đến nay đã quá thời hạn trả nợ, chị H vẫn không trả cho anh T được đồng nào, nhiều lần anh T gọi điện thoại và đến nhà chị H yêu cầu chị trả nợ, nhưng chị H chây ỳ không trả số tiền trên cho anh T.

Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ngày 8/3/2022 anh T trình bày: Trong số 27 con lợn hơi chị H mua của anh T, có 5 con lợn bỏ ăn, nhưng vẫn nhanh nhẹn, khỏe mạnh bình thường, anh T khẳng định không bán lợn ốm cho chị H. Số con lợn bỏ ăn trên khi chị H đến mua lợn, anh T đã thông báo cho chị H, chị H cũng đồng ý mua và thống nhất giá 60.000đ/ 1 kg lợn hơi. Nay anh T tự nguyện tính cho chị H giá bán 05 con lợn bỏ ăn giảm xuống còn 35.000đ/ 1 kg lợn hơi. Vì số lợn trên anh T nuôi cùng một lứa nên trọng lượng chênh lệch khoảng từ 1 đến 7 kg.

Trọng lợn 5 con lợn bỏ ăn anh bán cho chị H là: $1441 \text{ kg} : 27 \text{ con lợn} = 53\text{kg}$. Như vậy 01 con lợn bỏ ăn có trọng lượng bình quân = 53kg.

05 con lợn bỏ ăn: $53\text{kg} \times 5 \text{ con} = 267 \text{ kg}$.

Vì khi chị H đến mua lợn, anh T và chị H không cân trọng lượng của 5 con lợn này riêng biệt mà cân lẫn cùng với các con lợn khác, nên anh T tự nguyện trừ thêm 10 kg là trọng lượng có thể chênh lệch giữa các con lợn.

Tổng trọng lượng 5 con bỏ ăn là: $267\text{kg} + 10 \text{ kg}$ (trọng lượng chênh lệch giữa các con lợn) $\times 35.000\text{đ/1 kg} = 9.695.000\text{đ}$.

Nay anh T yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả cho anh số tiền chị H mua lợn cụ thể như sau:

05 con lợn bỏ ăn = 9.695.000đ.

Số lợn còn lại 22 con có trọng lượng = $1164\text{kg} \times 60.000\text{đ/ 1 kg} = 69.840.000\text{đ}$.

Tổng yêu chị H phải trả cho anh T số tiền = 79.535.000đ

Anh T không yêu cầu tính lãi suất.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 4/3/2022 chị H trình bày: Ngày 29/6/2021 chị H có mua của anh T khoảng 20 con lợn, chị bắt lợn thành 03 lần, tổng trọng lượng của đàn lợn bao nhiêu thì chị H không nhớ, hai bên thống nhất giá lợn hơi là 45.000đ/ 1 kg lợn khỏe, còn lợn ốm là 35.000đ/1 kg. Việc chị H mua lợn của anh T là có thật, nhưng số lợn chị bắt của anh T là lợn ốm, nay anh T yêu cầu chị H phải trả số tiền 86.460.000đ chị H không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Châu T khởi kiện chị Trần Thị H yêu cầu phải trả số tiền mua lợn của anh là 79.535.000đ. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Hoàng Châu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Trần Thị H đã nhận được thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù chị H thường xuyên có mặt tại địa pH, không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng chị H không đến Tòa án, không có lý do, như vậy là từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét về nghĩa vụ của bị đơn trong quan hệ “ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” thì thấy: Anh Hoàng Châu T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả cho anh số tiền mua lợn bằng 79.535.000đ là hoàn toàn có căn cứ. Vì:

Việc chị H mua lợn của anh T vào ngày 29/6/2021, anh T và chị H đều trình bày là đúng thực tế, tổng trọng lượng của lợn, số lợn, số tiền trong việc mua bán lợn giữa chị H và anh T đã được thể hiện tại tờ giấy viết bằng mực màu đen ngày 29/6/2021 có chữ ký của chị Trần Thị H.

Chị H cho rằng việc số lợn chị mua của anh T là lợn ốm và thỏa thuận giá mua là 35.000.000đ nhưng lại không có căn cứ chứng minh cho lời khai của mình.

Tại bản tự khai ngày 8/3/2022 anh T trình bày khi chị H mua lợn của anh, trong số 27 con lợn anh bán cho chị H, có 05 con lợn bỏ ăn, nhưng vẫn rất nhanh nhẹn, không bị ốm. Anh Tự nguyện tính 05 con lợn này với trọng lượng và giá như sau:

$05 \text{ con lợn bỏ ăn} = 277\text{kg} \times 35.000\text{đ}/1 \text{ kg} = 9.695.000\text{đ}.$

$\text{Số lợn còn lại } 22 \text{ con có trọng lượng} = 1164\text{kg} \times 60.000\text{đ}/1 \text{ kg} = 69.840.000\text{đ}.$

Tổng anh T yêu cầu chị H phải trả cho anh số tiền = 79.535.000đ

Anh T không yêu cầu tính lãi suất.

Quá thời hạn trả tiền, anh T đã nhiều lần yêu cầu chị H trả, nhưng chị vẫn chưa trả được đồng nào, hai bên cũng không có thỏa thuận nào khác. Vì vậy căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự, việc giao kết hợp đồng giữa các bên đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Bên bán đã chuyển quyền sở hữu tài sản cho

bên mua, bên mua là người đã nhận tài sản và phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà hai bên đã cam kết tại giấy viết bằng mực đen ngày 29/6/2021.

Do lời khai của chị H và anh T có mâu thuẫn, chị H trình bày chị mua lợn của anh T là lợn ốm, anh T trình bày anh không bán lợn ốm cho chị H, nên ngày 02/3 /2022 Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã có thông báo về việc đổi chất, chị H đã nhận được văn bản của Tòa, nhưng không có mặt theo thông báo của Tòa, để mặc cho Tòa án giải quyết. Vì vậy không có căn cứ để xác định số lợn chị H mua của anh T là bị ốm.

Vì vậy chị Trần Thị H phải trả cho anh Hoàng Châu T số tiền chị đã mua lợn là: 79.535.000đ (bảy chín triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; Điều 271, 273; 280; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117; 430; Điều 434; 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 24; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm b, tiểu mục 1.3, mục 1 phần II, danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Châu T.

- Buộc chị Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho anh T số tiền = 79.535.000đ.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 3.976.000đ (làm tròn)

Trả lại số tiền tạm ứng án phí có giá ngạch 2.160.000 (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) cho anh T đã nộp theo biên lai số AA/2021/ 0006401 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 5/01/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Tuyên bố cho anh T và chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

